



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**NHANTAMVIET AUDITING COMPANY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN**  
**TNNH MỘT THÀNH VIÊN**

*(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN**  
**TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

*(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)*



## **MỤC LỤC**

<b>PHẦN A</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 – 8
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	9 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	13 – 14
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	15 - 73

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Tổng Công ty.

### KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là "SATRA") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp 0300100037, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2010 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 8.660.000.000.000 Đồng.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM.
- Điện thoại : (84-8) 3837 5905
- Fax : (84-8) 3836 9327
- Mã số thuế : 0300100037
- Email : [satra@hcm.vnn.vn](mailto:satra@hcm.vnn.vn)
- Website : [www.satra.hochiminhcity.gov.vn](http://www.satra.hochiminhcity.gov.vn)

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

Hệ thống tổ chức kinh doanh của SATRA bao gồm Văn phòng SATRA, các Đơn vị phụ thuộc và các Công ty con.

❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc SATRA gồm có:**

1. Văn phòng Tổng Công ty
2. Chi nhánh SATRA - Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA
3. Chi nhánh SATRA - Siêu thị Sài Gòn
4. Chi nhánh SATRA - Thương xá Tax
5. Chi nhánh SATRA - Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền
6. Chi nhánh SATRA - Trung tâm Dịch vụ SATRA
7. Chi nhánh SATRA – SATRA Đồng Tháp
8. Chi nhánh SATRA - Trung tâm thương mại SATRA đường Phạm Hùng
9. Chi nhánh SATRA - Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)
10. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Phân phối SATRA
11. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)
12. Chi nhánh SATRA – Kho lạnh SATRA
13. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Dịch vụ ăn uống Satra
14. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ

❖ Văn phòng đại diện tại Nhật Bản - Tổng Công ty TM Sài Gòn – TNHH Một thành viên

❖ Văn phòng đại diện tại Myanmar - Tổng Công ty TM Sài Gòn – TNHH Một thành viên

❖ **Các Công ty con gồm**

1. Công ty TNHH May XK Tân Châu
2. Công ty CP Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (GEMEXIM JSC)
3. Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)
4. Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quận 3
5. Công ty CP Thương mại Sài Gòn Tây Nam

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

## HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Thành viên, Kiểm soát viên và Ban Tổng Giám đốc của SATRA cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

### *Hội đồng Thành viên*

1. Ông Lâm Dũng Tiến Chủ tịch Hội đồng thành viên Bỏ nhiệm từ ngày 16/8/2016
2. Ông Lê Tùng Chủ tịch Hội đồng thành viên Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2016
3. Bà Lê Minh Trang Thành viên
4. Ông Trần Văn Bắc Thành viên
5. Ông Nguyễn Anh Tùng Thành viên
6. Ông Trương Văn Rón Thành viên

### *Ban Kiểm soát*

Ban Kiểm soát được thành lập theo quyết định số 345/QĐ-UBND-TC ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Ông Dương Hùng Sơn Trưởng Ban
2. Bà Hoàng Thị Kim Phượng Thành viên
3. Ông Phùng Thế Thành Thành viên

### *Ban Tổng Giám đốc*

1. Bà Lê Minh Trang Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Trần Văn Bắc Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Thành Nam Phó Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm từ ngày 04 tháng 02 năm 2016
4. Ông Nguyễn Phúc Khoa Phó Tổng Giám đốc – Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2016
5. Ông Đoàn Hoài Minh Phó Tổng Giám đốc – Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2016



## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập cho Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 09 đến trang 73.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.





Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số: 33/2017/BCTC-NTV.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH PHÒNG KẾ KHAI KẾ TOÁN THUẾ
ĐÃ NHẬN MÔ ĐƠN THANH THUẾ
Ngày 24-03-2017
Người nhận: 01

**KÍNH GỬI:** HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017, từ trang 09 đến trang 73, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**



---

**Chủ tịch Hội đồng thành viên**

**Phó Tổng Giám đốc – Lê Hạ**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 0082-2015-124-1*

---

**Kiểm toán viên – Lê Hồng Long**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 0786-2014-124-1*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2017

102  
C  
CH A  
KIẾ  
H  
D

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.374.680.872.895</b>	<b>8.857.762.270.643</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	9.783.008.117.790	7.830.674.094.872
111	1 Tiền		215.345.390.622	397.174.094.872
112	2 Các khoản tương đương tiền		9.567.662.727.168	7.433.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>10.151.666.667</b>	<b>8.776.008.483</b>
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.151.666.667	8.776.008.483
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.006.147.221.619</b>	<b>614.324.006.769</b>
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	443.608.770.445	387.101.983.390
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	595.806.124.497	284.342.242.205
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	V.5	193.555.229.590	156.714.375.030
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(226.822.902.913)	(215.025.723.890)
139	5 Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	-	1.191.130.034
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>391.786.252.499</b>	<b>310.578.905.924</b>
141	1 Hàng tồn kho	V.8	392.195.525.147	310.578.905.924
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	V.8	(409.272.648)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>183.587.614.320</b>	<b>93.409.254.595</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	8.258.308.971	3.701.553.384
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	170.556.953.888	89.553.736.386
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	4.772.351.461	153.964.825

3848

TỔNG T

KẾ T

TOÁN

T. P.

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.776.961.301.656</b>	<b>3.469.920.541.667</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>12.630.254.482</b>	<b>5.965.996.700</b>
211	1 Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	4.036.269.862	4.036.269.862
212	2 Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	1.657.620.290	984.909.100
216	3 Phải thu dài hạn khác	V.14	10.972.634.192	4.981.087.600
219	4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.6	(4.036.269.862)	(4.036.269.862)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>656.167.594.153</b>	<b>657.232.670.897</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.15	579.130.270.862	575.552.924.797
222	- Nguyên giá		974.240.526.577	897.602.215.809
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(395.110.255.715)	(322.049.291.012)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.16	77.037.323.291	81.679.746.100
228	- Nguyên giá		94.257.101.083	95.740.823.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.219.777.792)	(14.061.077.703)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.17	<b>421.003.704.475</b>	<b>400.358.778.014</b>
231	- Nguyên giá		579.153.235.702	544.441.352.968
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(158.149.531.227)	(144.082.574.954)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>603.082.136.067</b>	<b>464.479.287.463</b>
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.18	603.082.136.067	464.479.287.463
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.19	<b>2.019.820.788.278</b>	<b>1.916.105.268.070</b>
251	1 Đầu tư vào công ty con	V.19.1	683.697.135.079	637.289.696.283
252	2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.19.2	949.622.469.234	856.932.469.234
253	3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.19.3	642.796.369.307	664.749.672.814
254	4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.19	(256.295.185.342)	(242.866.570.261)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>64.256.824.201</b>	<b>25.778.540.523</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.20	60.427.374.734	23.151.201.320
262	2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.21	3.829.449.467	2.627.339.203
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>15.151.642.174.551</b>	<b>12.327.682.812.310</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MTV**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.716.286.228.970</b>	<b>3.582.598.476.886</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.858.051.102.005</b>	<b>2.731.573.758.091</b>
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	462.740.468.305	321.090.968.838
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	33.123.344.764	6.116.228.639
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	2.280.627.242.157	1.667.855.200.969
314	4 Phải trả người lao động	V.25	562.185.286.073	235.121.359.959
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.26	15.771.264.926	5.668.982.785
318	6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.27	1.508.469.093	17.778.152.114
319	7 Phải trả ngắn hạn khác	V.28	73.589.402.964	91.082.452.773
320	8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.29	72.187.665.000	120.591.000.000
322	9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.30	371.392.732.522	258.294.153.826
323	10 Quỹ bình ổn giá	V.31	(15.074.773.799)	7.975.258.188
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>858.235.126.965</b>	<b>851.024.718.795</b>
331	1 Phải trả người bán dài hạn	V.32	3.000.000	358.475.000
336	2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.33	609.300.415.634	595.662.095.067
337	3 Phải trả dài hạn khác	V.34	59.269.945.195	74.753.087.283
338	4 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.35	168.180.763.079	160.323.850.788
342	5 Dự phòng phải trả dài hạn	V.36	10.751.994.489	9.198.202.089
343	6 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.37	10.729.008.568	10.729.008.568
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>10.435.355.945.581</b>	<b>8.745.084.335.424</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.38	<b>10.435.355.945.581</b>	<b>8.745.084.335.424</b>
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.38.1	7.403.161.073.989	7.306.707.073.989
416	2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.38.2	388.735.945.094	-
418	3 Quỹ đầu tư phát triển	V.38.3	2.639.652.297.231	1.338.112.780.521
419	4 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	V.38.4	2.741.507.672	99.090.766.589
421	5 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.38.5	(3.642.829.405)	(641.106.675)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.642.829.405)	(641.106.675)
422	6 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.38.6	4.707.951.000	1.814.821.000
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>15.151.642.174.551</b>	<b>12.327.682.812.310</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đồng Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	6.374.218.849.301	6.071.744.681.743
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.41	17.725.209.777	4.124.069.768
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.356.493.639.524	6.067.620.611.975
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.42	5.910.115.891.706	5.737.804.235.763
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		446.377.747.818	329.816.376.212
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.43	5.473.829.112.858	2.800.470.114.728
22	7 Chi phí tài chính	VI.44	33.157.820.140	13.868.724.998
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.236.759.466	5.457.728.217
25	8 Chi phí bán hàng	VI.45	317.829.879.524	230.605.515.920
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.46	792.717.684.297	432.302.298.615
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.776.501.476.715	2.453.509.951.407
31	11 Thu nhập khác	VI.47	62.688.641.590	107.478.534.638
32	12 Chi phí khác	VI.48	10.368.729.242	22.795.228.835
40	13 Lợi nhuận khác		52.319.912.348	84.683.305.803
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.828.821.389.063	2.538.193.257.210
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.49	493.081.114.497	78.460.104.675
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.50	(1.202.110.264)	(1.110.023.461)
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.336.942.384.830	2.460.843.175.996
61	18 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		4.336.942.384.830	2.460.843.175.996

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đông Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		8.366.749.646.244	7.309.450.287.872
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.574.791.579.344)	(6.810.719.781.080)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(393.272.735.890)	(318.896.274.407)
04	4 Tiền lãi vay đã trả		(10.383.380.786)	(5.457.728.217)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(71.751.702.011)	(58.496.086.339)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.972.420.019.557	1.860.980.416.065
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.467.912.426.615)	(3.300.146.135.414)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.178.942.158.845)</b>	<b>(1.323.285.301.520)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.007.654.027)	(10.236.867.026)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		298.945.455	1.723.841.214
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(917.000.000.000)	(616.278.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		915.776.008.483	6.864.465.840.616
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(75.700.000.000)	(6.675.000.000)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		63.975.123.507	170.459.445.708
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.200.149.169.803	2.492.847.486.151
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3.171.491.593.221</b>	<b>8.896.306.746.663</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3 Tiền thu từ đi vay	V.29; V.35	1.808.327.683.710	1.451.765.455.647
34	4 Tiền trả nợ gốc vay	V.29; V.35	(1.848.874.106.419)	(1.373.247.266.434)
35	5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-

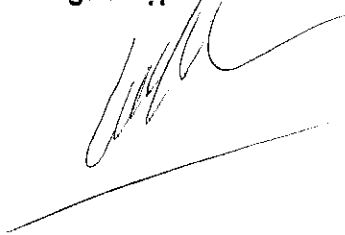
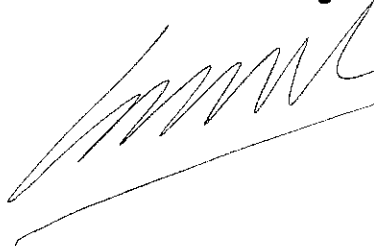
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.546.422.709)	78.518.189.213
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.952.003.011.667	7.651.539.634.356
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	7.830.674.094.872	178.549.385.170
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		331.011.251	585.075.346
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	9.783.008.117.790	7.830.674.094.872

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2016**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2016 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là SATRA).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

**Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ..

**Ngành nghề kinh doanh** :

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn bia, rượu; Bán buôn vàng, bạc, đá quý; Bán buôn gạo;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. (Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 1/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh).
- Bốc xếp hàng hóa.
- Điều hành tua du lịch. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, chế biến nông – lâm – thủy – hải sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ gas)
- Kinh doanh bất động sản, Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi, cầu cảng, khu công nghiệp. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, quầy cảng, dịch vụ kho vận.; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình kho bãi, cầu cảng, khu công nghiệp.
- Quảng cáo.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Bán lẻ thẻ cào điện thoại, máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông; Bán buôn thẻ cào điện thoại, máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Mua bán xe gắn máy và phụ tùng các loại.
- Bưu chính.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bán buôn lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ, thực phẩm chế biến, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng hóa khác phục vụ sản xuất và kinh doanh của đơn vị; Xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy hải sản, súc sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm (thực hiện quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 1/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh).
- Bán buôn hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất; văn phòng phẩm; mỹ phẩm, nước hoa; đồ dùng cá nhân và gia đình; đồ chơi trẻ em; dụng cụ thể dục thể thao; sản phẩm đồ gỗ; nước sinh hoạt.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, rượu.
- Bán buôn nguyên vật liệu tư nông – dược phẩm; phân bón, lông vũ; hóa chất; thức ăn gia súc.
- Bán lẻ thuốc lá nội;
- Sản xuất đá, nước sinh hoạt.
- Bán lẻ vật liệu xây dựng; Bán buôn giày, dép, mũ, dệt may da.
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. (Không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến nông lâm hải sản, súc sản (không hoạt động tại trụ sở).

VO102  
C  
TRÁCH  
KIẾ  
NHÂN  
DNG E

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Hoạt động Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủy thủ và thu mua thủy sản.
- Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt gia cầm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 1/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh).
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, đóng hộp, giết mổ, đóng gói, bảo quản thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh; sản xuất các sản phẩm thịt (không hoạt động tại trụ sở).
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, đóng hộp, chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh, thủy sản khô (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ Đại lý bán vé tàu, máy bay; Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe 2 bánh (trừ kinh doanh bến bãi ô tô).
- Xay xát và sản xuất bột khô. (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic. (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các loại bánh từ bột. (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động dịch vụ Đại lý cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng.

### Hoạt động đầu tư tài chính

Công ty đã đầu tư vào các Công ty con và đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết như sau:

#### ❖ Hệ thống các Công ty con

	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
1.	Công ty TNHH May XK Tân Châu	65/5 Quốc lộ 1A, Q12, TP. HCM	55,00%
2.	Công ty CP Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (GEMEXIM JSC)	117 Cống Quỳnh, Q1, TP. HCM	55,68%
3.	Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)	420 Nơ Trang Long, Q Bình Thạnh, TP. HCM	67,76%
4.	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quận 3	158 Võ Văn Tần, Q3, TP. HCM	51,00%
5.	Công ty CP Thương mại Sài Gòn Tây Nam	Chợ Đường Biên, huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh.	99,71%

348  
G T  
EM H  
TO/  
AM V  
- 1

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

❖ **Hệ thống Công ty liên doanh, liên kết gồm**

	<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty</b>
1.	Công ty CP TM DV Sài Gòn	36 Lưu Văn Lang, Quận 1, TP. HCM	43,35
2.	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	16 Phùng Khắc Khoan, Q1, TP. HCM	26,43
3.	Công ty CP Bao bì SG	KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, TP. HCM	40
4.	Công ty CP KD Thủy hải Sản	4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, TP. HCM	30
5.	Công ty CP CB hàng XK Cầu Tre	125/208 Lương Thế Vinh, Tân Phú, TP. HCM	45
6.	Công ty CP TM DV Cần Giờ	383-385 Nguyễn Công Trứ, Q 1, TP. HCM	40
7.	Công ty CP XNK Hàng TTCN	132 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. HCM	22,5
8.	Công ty TNHH TM SG An Giang	12 Nguyễn Huệ, An Giang	25
9.	Công ty TNHH Nhà máy Bia VN	02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM	40
10.	Công ty TNHH TM SG Song Kim	104A Hoàng Hoa Thám, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	28,48
11.	Công ty CP XNK Tổng hợp Đầu tư	111 Trần Quốc Toản, Quận 3, TP. HCM	20
12.	Công ty CP TM tổng hợp	40-42 Phan Bội Châu, Quận 1, TP. HCM	40
13.	Công ty CP DV TM Thành phố	114A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	45
14.	Công ty CP BH Điện Máy SG	870-872 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. HCM	33,83
15.	Công ty CP XNK Nhà Bè	476 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM	30
16.	Công ty CP Bình Điền	275B, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM	29
17.	Công ty CP ĐT PT HT PP VN	38-40 Lê Thái Tổ, Hàng Trống, HN	25
18.	Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN	02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM	40
19.	Công ty CP KD NS Kiên Giang	số 12, Lý Tự Trọng, Tỉnh Kiên Giang	30,55
20.	Công ty CP SATRA Thái Sơn	số 3, đường 3/2, Quận 10, TP. HCM	24,9
21.	Công ty CP TM DV VDA Hậu Giang	Cụm công nghiệp Châu Thành A, Tỉnh Tiền Giang	25,41
22.	Công ty TNHH lương thực Ngọc Đồng	ấp An Hòa, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	30
23.	Công ty CP TM Sài Gòn Phương Trang	Ấp Hòa Phúc, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	25
24.	Công ty CP DV SX XNK Bình Tây	222 Hậu Giang, Q6, TP. HCM	40

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính riêng của SATRA bao gồm:**

- |  |  |
|--|--|
| 1. Chi nhánh SATRA - Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA (SATRA REAL)            | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 2. Chi nhánh SATRA - Siêu thị Sài Gòn  | 460 đường 3 tháng 2, P12, Q10, TPHCM   |
| 3. Chi nhánh SATRA - Thương xá Tax   | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 4. Chi nhánh SATRA - Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền               | Khu phố 6, đường Nguyễn Văn Linh, P7, Q8, TPHCM                                      |
| 5. Chi nhánh SATRA - Trung tâm Dịch vụ SATRA                                   | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 6. Chi nhánh SATRA – SATRA Đồng Tháp   | Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp                             |
| 7. Chi nhánh SATRA - Trung tâm thương mại SATRA đường Phạm Hùng                | C6/27 Phạm Hùng, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TPHCM                               |
| 8. Chi nhánh SATRA - Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)            | 177 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Q1, TPHCM   |
| 9. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Phân phối SATRA                                 | 204-206 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q1, TPHCM   |
| 10. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS) | 455 Võ Văn Tần, P5, Q3, TPHCM  |
| 11. Chi nhánh SATRA – Kho lạnh SATRA   | Lô số III, Khu Thương mại Bình Điền, Khu phố 6, đường Nguyễn Văn Linh, P7, Q8, TPHCM |
| 12. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Dịch vụ ăn uống SATRA                          | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 13. Ban Quản lý Dự án Bình Điền  | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 14. Ban Quản lý và Phát triển Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)                      | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 15. Ban Quản lý Dự án COFIDEC  | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |
| 16. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ                 | 90B/3 Đường 3/2, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ                         |
| 17. Văn phòng Tổng Công ty   | 275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM  |

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

SATRA áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

---

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho của công gồm có:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp : Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

#### **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong niên độ kế toán.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
- Máy móc và thiết bị	7 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
- Tài sản cố định khác	3 – 7

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :

#### **Quyền sử dụng đất**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định bao gồm: tiền chi ra để có QSDĐ hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

QSDĐ là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

***Phần mềm máy vi tính***

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 03 năm.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của BĐSĐT trong khung từ 5 năm đến 25 năm.

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

---

### ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Đầu tư vào công ty con***

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### ***Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

### ***Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính***

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

482  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
SÀI GÒN  
TỔNG CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI SÀI GÒN  
T.P

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 11. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

## 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

---

### 14. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

### 15. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản (gọi là doanh thu nhận trước); các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện khác.

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

---

## **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

## **Trích lập các quỹ**

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên hàng năm.

## **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

### **❖ Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

### ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

82-C  
TY  
HỮU HẠI  
ÁN  
VIỆT  
P.H.A

**21. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

**22. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

***Chi phí thuế TNDN hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	7.897.125.597	1.718.786.592
- Tiền gửi ngân hàng	205.214.488.645	392.470.166.841
- Tiền đang chuyển	2.233.776.380	2.985.141.439
- Các khoản tương đương tiền	9.567.662.727.168	7.433.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.783.008.117.790</b>	<b>7.830.674.094.872</b>
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>10.151.666.667</b>	<b>8.776.008.483</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Các khoản phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ tại các Đơn vị của SATRA

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	320.503.516.916	269.699.295.503
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	12.877.180.426	11.310.641.694
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	317.804.831	735.622.194
- Chi nhánh Thương xá TAX	174.622.400	55.563.697
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	16.784.943.765	18.518.721.786
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	6.979.050.283	6.259.778.628
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	35.173.938.680	22.811.784.672
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	730.806.700	434.680.213
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	29.556.775.559	26.313.331.831
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	4.852.473.722	21.256.434.587
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	2.411.793.438	661.202.549
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	13.244.281.925	8.996.938.699
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	1.581.800	47.987.337
<b>Cộng</b>	<b>443.608.770.445</b>	<b>387.101.983.390</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Các khoản tiền ứng trước cho các nhà cung cấp, nhà thầu,... tại các Đơn vị:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	159.942.699.940	108.615.016.839
- Ban Quản lý dự án Bình Điền	423.712.275.498	131.379.358.139
- Ban Quản lý và Phát triển HT bán lẻ (SATRAMART)	238.400.000	-
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	1.559.300.000	38.768.262.101
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	215.015.000	451.123.548
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	155.095.510	138.636.900
- Chi nhánh Thương xá TAX	23.076.900	-
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	1.976.100.465	782.224.959
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	1.289.446.359	24.995.450
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	816.350.000	917.226.000
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	158.395.670	152.329.880
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	1.572.983.154	330.029.170
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	3.487.050.940	2.192.786.579
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	483.123.801	235.200.000
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	-	355.052.640
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	176.811.260	-
<b>Cộng</b>	<b>595.806.124.497</b>	<b>284.342.242.205</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

Các khoản phải thu khác tại các Đơn vị:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	141.929.793.844	103.081.151.801
- Ban Quản lý dự án Bình Điền	2.730.608.096	6.261.093.088
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	-	987.485.056
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	236.275.539	6.155.494
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	201.119.978	457.350.015
- Chi nhánh Thương xá TAX	138.801.059	113.854.009
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	586.990.825	789.082.694
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	1.164.508.349	307.837.182
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	3.000.000	3.000.000
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	215.122.765	327.602.720
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	38.822.481.893	39.307.061.004
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	4.909.124.873	3.303.846.316
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	1.919.492.478	1.313.268.591
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	256.700.000	204.400.000
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	441.209.891	251.187.060
<b>Cộng</b>	<b>193.555.229.590</b>	<b>156.714.375.030</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng tại các Đơn vị của SATRA như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>(226.822.902.913)</b>	<b>(215.025.723.890)</b>
6.1 Văn phòng Tổng Công ty	(177.690.856.897)	(165.893.677.874)
6.2 Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	(443.644.970)	(443.644.970)
6.3 Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	(48.688.401.046)	(48.688.401.046)
<b>Dài hạn</b>	<b>(4.036.269.862)</b>	<b>(4.036.269.862)</b>
6.1 Văn phòng Tổng Công ty	(4.036.269.862)	(4.036.269.862)
<b>Tổng Cộng</b>	<b>(230.859.172.775)</b>	<b>(219.061.993.752)</b>

Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi tại các Đơn vị:

**6.1 Văn phòng Tổng Công ty**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền phải thu	Dự phòng	Số tiền phải thu	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>185.790.987.479</b>	<b>177.690.856.897</b>	<b>185.118.276.289</b>	<b>165.893.677.874</b>
- Công ty CP Kinh doanh THS Sài Gòn	26.765.067.131	26.765.067.131	26.765.067.131	26.765.067.131
- Công ty CP Quốc Tế C&T	18.331.508.680	17.675.731.133	18.331.508.680	13.580.616.337
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Tâm (Công ty CP Satra Tiền Giang)	3.401.858.300	3.401.858.300	3.401.858.300	3.401.858.300
- Công ty CP Imexco	2.472.000.000	2.472.000.000	2.472.000.000	2.472.000.000
- Công ty CP Satra Tây Nam	3.400.000.000	2.380.000.000	3.400.000.000	1.700.000.000
- Công ty CP Bất động sản Exim	1.500.000.000	1.275.000.000	1.500.000.000	1.125.000.000
- Công ty CP TM XNK Hà Tiên	1.657.620.290	1.657.620.290	984.909.100	984.909.100
- Công ty TNHH Thái Nguyên 1	82.877.702.821	82.877.702.821	82.877.702.821	82.877.702.821
- Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt	32.766.958.765	32.766.958.765	32.766.958.765	32.766.958.765
- Công ty TNHH SXTM Vạn Xuân	219.565.420	219.565.420	219.565.420	219.565.420

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền phải thu	Dự phòng	Số tiền phải thu	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Ngọc Đông III	4.565.401.139	2.282.700.570	43.195.398.000	-
- Công ty CP Hợp tác KT & XNK Savimex	7.833.304.933	3.916.652.467	8.177.179.933	-
<b>Dài hạn</b>	<b>4.036.269.862</b>	<b>4.036.269.862</b>	<b>4.036.269.862</b>	<b>4.036.269.862</b>
- Công ty CP Hương Vị Việt	4.036.269.862	4.036.269.862	4.036.269.862	4.036.269.862
<b>Cộng</b>	<b>189.827.257.341</b>	<b>181.727.126.759</b>	<b>228.128.418.012</b>	<b>169.929.947.736</b>

**6.2 Chi nhánh Trung tâm dịch vụ Satra**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền phải thu	Dự phòng	Số tiền phải thu	Dự phòng
- Công ty TNHH Thiết bị Sinh Lọc	463.007.034	231.503.517	463.007.034	231.503.517
- Công ty TNHH Thiết bị Sáng Việt	409.282.905	212.141.453	409.282.905	212.141.453
<b>Cộng</b>	<b>872.289.939</b>	<b>443.644.970</b>	<b>872.289.939</b>	<b>443.644.970</b>

**6.3 Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền phải thu	Dự phòng	Số tiền phải thu	Dự phòng
- Pacific Coral, King	18.540.044.713	18.540.044.713	18.540.044.713	18.540.044.713
- KTT Enterprise	16.399.500.215	16.399.500.215	16.399.500.215	16.399.500.215
- Oceans Reserve	11.451.166.688	11.451.166.688	11.451.166.688	11.451.166.688
- H&T Seafood	800.575.821	800.575.821	800.575.821	800.575.821
- Lion King Foods	636.312.950	636.312.950	636.312.950	636.312.950
- Công ty CP Thủy sản Bạc Liêu	220.207.499	220.207.499	220.207.499	220.207.499
- Công ty HT Liên doanh Colig-USD	153.669.719	153.669.719	153.669.719	153.669.719
- Tokyo Y2K Inport-Export	138.476.650	138.476.650	138.476.650	138.476.650
- Công ty Đ.Tư T.Học & Tư vấn XD Phương Nam	69.264.000	69.264.000	69.264.000	69.264.000

30/02/2017  
 CÔNG TY  
 KIỂM TOÁN  
 VÀ TƯ VẤN  
 ĐẾ



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền phải thu	Dự phòng	Số tiền phải thu	Dự phòng
- Lê Văn Trung - Bình Minh	53.592.271	53.592.271	53.592.271	53.592.271
- Intercont	38.688.507	38.688.507	38.688.507	38.688.507
- Phạm Văn Nhung – Đắk Nông	31.301.000	31.301.000	31.301.000	31.301.000
- Bùi Văn Lâm – Đắk Nông	30.819.400	30.819.400	30.819.400	30.819.400
- Lý Chấn Thành -Vĩnh Châu	20.336.420	20.336.420	20.336.420	20.336.420
- Niche Trading Co.,Ltd	17.659.596	17.659.596	17.659.596	17.659.596
- Trâm Lệnh Sử - Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	16.601.220	16.601.220	16.601.220	16.601.220
- Nguyễn An Khương	16.155.000	16.155.000	16.155.000	16.155.000
- DNTN Mỹ Linh- Thị xã Trà Vinh	12.503.093	12.503.093	12.503.093	12.503.093
- Công ty CP Tư vấn & Dịch vụ Phát triển nghề Cá	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
- Trần Quốc Cường -Long An	8.366.265	8.366.265	8.366.265	8.366.265
- Nguyễn Văn Đo - Lộc Ninh	6.646.000	6.646.000	6.646.000	6.646.000
- Phạm Tấn Thuyền -Vĩnh Hưng	4.972.140	4.972.140	4.972.140	4.972.140
- Trần Đình Hạnh - Cát Tiên	3.049.390	3.049.390	3.049.390	3.049.390
- Nguyễn Ngọc Hà - Di Linh, Lâm Đồng	2.202.200	2.202.200	2.202.200	2.202.200
- Gara Tám Triệu	1.785.000	1.785.000	1.785.000	1.785.000
- Phạm Hồng Phong -Long An	1.698.564	1.698.564	1.698.564	1.698.564
- Asuzac Foods-Vnd	1.195.080	1.195.080	1.195.080	1.195.080
- Cửa hàng TM Thực phẩm Rau quả An toàn	855.005	855.005	855.005	855.005
- Nguyễn Hữu Kiểm - Cát Tiên	599.340	599.340	599.340	599.340
- Nguyễn Thị Phượng - Tam Bình	157.300	157.300	157.300	157.300
<b>Cộng</b>	<b>48.688.401.046</b>	<b>48.688.401.046</b>	<b>48.688.401.046</b>	<b>48.688.401.046</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

7. Tài sản thiếu chờ xử lý - 1.191.130.034

Tài sản thiếu chờ xử lý là hàng hóa thiếu trong quá trình kiểm kê tại Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS) đã được xử lý trong năm.

## 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.326.768.048	-	4.071.089.341	-
- Công cụ, dụng cụ	1.461.894.095	-	1.440.911.715	-
- Chi phí SXKD dở dang	114.556.889.545	-	118.912.738.343	-
- Thành phẩm	34.792.629.761	409.272.648	26.005.861.574	-
- Hàng hoá	227.890.359.328	-	149.233.815.034	-
- Hàng gửi bán	-	-	4.756.123	-
- Hàng hóa bất động sản	9.166.984.370	-	10.909.733.794	-
<b>Cộng</b>	<b>392.195.525.147</b>	<b>409.272.648</b>	<b>310.578.905.924</b>	<b>-</b>

## 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm tòa nhà và các chi phí khác. Chi tiết tại các Đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	1.340.607.660	160.405.017
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	206.218.759	356.427.848
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	642.394.819	167.366.714
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	196.450.086	323.765.505
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	238.798.334	78.248.146
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	225.225.014	277.799.912
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	608.249.773	764.929.528
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	4.278.098.038	766.477.886
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	522.266.488	806.132.828
<b>Cộng</b>	<b>8.258.308.971</b>	<b>3.701.553.384</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**10. Thuế GTGT được khấu trừ**

Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ tại các đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	146.084.768.124	75.773.643.996
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	158.871.850	347.534.224
- Chi nhánh Thương xá TAX	57.369.689	328.638.550
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	14.299.880	442.872.615
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	932.225.564	410.691.300
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	-	356.448.438
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	22.850.130.007	10.637.844.302
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	459.288.774	363.311.042
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	-	822.380.683
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	-	70.371.236
<b>Cộng</b>	<b>170.556.953.888</b>	<b>89.553.736.386</b>

**11. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước**

Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước hoặc số thuế đã nộp được xét miễn giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện:

- Thuế Giá trị gia tăng	-	3.000.000
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.622.729.116	-
- Thuế Xuất, nhập khẩu	2.751.322.001	85.111.963
- Thuế Thu nhập cá nhân	330.605.574	65.852.862
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	67.694.770	-
<b>Cộng</b>	<b>4.772.351.461</b>	<b>153.964.825</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>12. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>4.036.269.862</b>	<b>4.036.269.862</b>
Các khoản phải thu tiền bán hàng cho Công ty CP Hương Vị Việt tại Văn phòng Tổng Công ty đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.		
<b>13. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>1.657.620.290</b>	<b>984.909.100</b>
Các khoản tiền ứng trước cho các nhà cung cấp có kỳ hạn dài hơn 12 tháng tại Văn phòng SATRA.		
<b>14. Phải thu dài hạn khác</b>		
Là các khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn cho các nhà cung cấp, chi tiết tại các đơn vị Satra:		
- Ban Quản lý và Phát triển HT bán lẻ (SATRAMART)	140.000.000	-
- Chi nhánh Thương xá TAX	5.000.000	15.000.000
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	60.000.000	60.000.000
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	-	150.000.000
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	-	-
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	10.026.726.592	4.541.764.000
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	740.907.600	214.323.600
<b>Cộng</b>	<b>10.972.634.192</b>	<b>4.981.087.600</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**15. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm		543.683.928.514	240.358.978.847	39.011.965.800	47.032.001.398	27.515.341.250	897.602.215.809
Mua trong năm		766.232.955	11.963.210.284	6.246.725.245	2.680.553.275	1.223.456.000	22.880.177.759
Đầu tư XDCB hoàn thành		44.166.634.571	7.207.471.454	-	-	-	51.374.106.025
Tặng khác		14.554.421.140	6.928.388.226	784.020.753	4.588.251.244	-	26.855.081.363
Thanh lý, nhượng bán		48.018.868	224.029.427	-	276.599.263	-	548.647.558
Giảm khác		22.217.618.740	1.704.788.081	-	-	-	23.922.406.821
<b>Số cuối năm</b>		<b>580.905.579.572</b>	<b>264.529.231.303</b>	<b>46.042.711.798</b>	<b>54.024.206.654</b>	<b>28.738.797.250</b>	<b>974.240.526.577</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>							
Số đầu năm		179.821.261.196	82.881.078.891	16.913.961.781	35.400.223.003	7.032.766.141	322.049.291.012
Khấu hao trong năm		37.845.237.895	26.171.709.278	4.336.483.528	6.471.567.538	2.754.680.759	77.579.678.998
Tặng khác		2.809.287.997	707.120.773	1.916.246.008	-	-	5.432.654.778
Thanh lý, nhượng bán		7.380.439	31.854.614	-	276.599.263	-	315.834.316
Giảm khác		7.719.288.749	-	1.916.246.008	-	-	9.635.534.757
<b>Số cuối năm</b>		<b>212.749.117.900</b>	<b>109.728.054.328</b>	<b>21.250.445.309</b>	<b>41.595.191.278</b>	<b>9.787.446.900</b>	<b>395.110.255.715</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm		363.862.667.318	157.477.899.956	22.098.004.019	11.631.778.395	20.482.575.109	575.552.924.797
Tại ngày cuối năm		<b>368.156.461.672</b>	<b>154.801.176.975</b>	<b>24.792.266.489</b>	<b>12.429.015.376</b>	<b>18.951.350.350</b>	<b>579.130.270.862</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**16. Tài sản cố định vô hình**

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	81.302.771.221	14.438.052.582	95.740.823.803
Mua trong năm		35.000.000	35.000.000
Tặng khác		30.000.000	30.000.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Giảm khác		1.548.722.720	1.548.722.720
Số cuối năm	<b>81.302.771.221</b>	<b>12.954.329.862</b>	<b>94.257.101.083</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	7.416.834.076	6.644.243.627	14.061.077.703
Khấu hao trong năm	1.814.515.282	1.344.184.807	3.158.700.089
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	<b>9.231.349.358</b>	<b>7.988.428.434</b>	<b>17.219.777.792</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	73.885.937.145	7.793.808.955	81.679.746.100
Tại ngày cuối năm	<b>72.071.421.863</b>	<b>4.965.901.428</b>	<b>77.037.323.291</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**17. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là các tòa nhà và vật kiến trúc đang cho thuê. Tình hình khấu hao của các Bất động sản trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm [*]	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>544.441.352.968</b>	<b>35.605.562.200</b>	<b>893.679.466</b>	<b>579.153.235.702</b>
<i>Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền</i>	<i>502.343.999.160</i>	<i>35.605.562.200</i>	<i>-</i>	<i>537.949.561.360</i>
<i>Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA</i>	<i>42.097.353.808</i>	<i>-</i>	<i>893.679.466</i>	<i>41.203.674.342</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>144.082.574.954</b>	<b>14.960.635.739</b>	<b>893.679.466</b>	<b>158.149.531.227</b>
<i>Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền</i>	<i>110.884.436.307</i>	<i>12.976.149.059</i>	<i>-</i>	<i>123.860.585.366</i>
<i>Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA</i>	<i>33.198.138.647</i>	<i>1.984.486.680</i>	<i>893.679.466</i>	<i>34.288.945.861</i>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>400.358.778.014</b>			<b>421.003.704.475</b>
<b><u>Trong đó:</u></b>				
<i>Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền</i>	<i>391.459.562.853</i>			<i>414.088.975.994</i>
<i>Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA</i>	<i>8.899.215.161</i>			<i>6.914.728.481</i>

[\*] Phần giảm trong năm là do Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA phân loại nhóm tài sản.

**18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các công trình và hạng mục đang đầu tư dở dang bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm tài sản cố định	8.637.220.007	6.527.113.007
- Công trình Trung tâm TM Bình Điền	277.662.127.207	287.333.929.494
- Nhà máy CB NTHS XK- Khu CN Vĩnh lộc	261.231.510.980	112.226.280.583
- Dự án Satra Tax - Plaza	16.862.902.650	6.440.834.337
- Công trình Xí nghiệp Rau quả	7.908.577.162	78.786.900
- Dự án công nghệ thông tin	7.850.628.160	1.346.631.804

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Công trình cải tạo NM CB THS Việt Nhật	7.060.187.091	6.962.578.000
- Công trình Satra foods KCN Đông Nam	1.733.926.599	-
- Sửa chữa NM Vĩnh Lộc	1.604.460.509	1.027.023.609
- Công trình TTTM Trần Văn Kiểu	1.234.522.904	792.759.268
- Công trình Satra foods Tân Hương	988.923.672	-
- Công trình Satra foods 404 An Dương Vương	926.894.178	-
- Công trình Satra foods 148B Gò Xoài	904.618.799	-
- Công trình Satra foods Tây Hòa	858.618.540	-
- Công trình Satra foods Tô Ngọc Vân	849.245.051	-
- Công trình Satra foods 635B Điện Biên Phủ	843.423.130	-
- Công trình Satra foods 73/1 Nguyễn Văn Quá	795.011.049	-
- Công trình Satra foods Đặng Văn Bi	783.554.707	-
- Công trình Satra foods Hoàng Hoa Thám	714.152.123	-
- Công trình Satra foods 31/7 Nguyễn Ảnh Thủ Hốc Môn	689.812.000	-
- Công trình Satra foods Đinh Đức Thiện	685.113.000	-
- Công trình Foodcourt Bình Điền	629.274.000	-
- Công trình TT Thương mại Đồng Khánh	484.486.732	484.486.732
- Công trình TTTM Củ Chi	458.420.701	40.454.545
- Công trình 412/12 Trần Xuân Soạn	430.403.365	430.403.365
- Nhà máy SX nước đóng chai	129.053.000	129.053.000
- MMTB cho Satra Đồng Tháp	70.000.001	70.000.001
- Nhà số 12 Nguyễn Huệ	55.068.750	-
- Dự án nhà máy gạo Đồng Tháp	-	38.499.254.400
- Công trình Nhà hàng Hi Salad	-	805.975.600
- Công trình Satra foods 1438F Phạm Thế Hiển	-	1.002.925.143
- Công trình Satra foods 60 Hồ Văn Tư	-	236.922.675
- Công trình Satra foods 240 Phan Đình Phùng	-	43.875.000
<b>Cộng</b>	<b>603.082.136.067</b>	<b>464.479.287.463</b>

3102  
C  
RÁCH  
KIẾ  
NHÂN  
G. D.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**19. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
19.1 Đầu tư vào công ty con	683.697.135.079	17.288.067.219	637.289.696.283	39.655.134.011
19.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	949.622.469.234	32.904.121.448	856.932.469.234	34.823.056.503
19.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	642.796.369.307	206.102.996.675	664.749.672.814	168.388.379.747
<b>Cộng</b>	<b>2.276.115.973.620</b>	<b>256.295.185.342</b>	<b>2.158.971.838.331</b>	<b>242.866.570.261</b>

**19.1 Đầu tư vào công ty con**

Là khoản đầu tư vào các công ty có tỷ lệ lợi ích và biểu quyết trên 50%, bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc Bài – TN [*]			5.940.000.000	350.350.378
- Công ty TNHH MM XK Tân Châu	4.455.000.000		4.455.000.000	-
- Công ty CP Vật tư tổng hợp	18.096.000.000		18.096.000.000	-
- Công ty CP DV Dầu khí Sài Gòn [*]	-		15.300.000.000	-
- Công ty CP Thực phẩm Công nghệ [*]	-		15.300.000.000	15.300.000.000
- Công ty CP XNK Hàng CN (Inexim) [*]	-		27.216.000.000	10.678.872.628
- Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – VISSAN [**]	548.298.780.000		426.573.696.259	-
- Công ty CP DV SX XNK Bình Tây [*]	-		13.463.000.000	-
- Công ty CP TM DV Quận 3	5.406.000.000		5.406.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Satra Tây Nam	107.441.355.079	17.288.067.219	105.540.000.024	13.325.911.005
- Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc Bài – TN [*]	-	-	5.940.000.000	350.350.378
<b>Cộng</b>	<b>683.697.135.079</b>	<b>17.288.067.219</b>	<b>637.289.696.283</b>	<b>39.655.134.011</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- [\*] Trong năm Tổng Công ty đã thoái vốn đầu tư (một phần hoặc toàn bộ) tại các công ty con.
- [\*\*] Khoản đầu tư vào Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – VISSAN thay đổi do Tổng công ty thực hiện cổ hóa doanh nghiệp (Công ty trước khi cổ phần hóa là Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ Súc Sản Việt Nam).

**19.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Là khoản đầu tư vào các công ty có tỷ lệ lợi ích và biểu quyết từ 20% đến dưới 50%, bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP TM DV Sài Gòn	9.312.600.000	-	9.312.600.000	-
- Công ty CP Bao bì SG	34.000.000.000	-	34.000.000.000	-
- Công ty CP KD Thủy hải Sản	26.402.380.000	26.402.380.000	26.402.380.000	26.402.380.000
- Công ty CP CB hàng XK Cầu Tre	52.650.000.000	-	52.650.000.000	-
- Công ty CP TM DV Cần Giờ	9.200.000.000	-	9.200.000.000	-
- Công ty CP XNK Hàng TTCN (Artex)	9.808.150.000	-	9.808.150.000	-
- Công ty TNHH TM SG An Giang	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà máy Bia VN	398.772.927.449	-	398.772.927.449	-
- Công ty TNHH TM SG Song Kim	55.300.000.000	364.377.961	55.300.000.000	364.377.961
- Công ty CP XNK TH Đầu Tư - Imexco	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp (GETRA)	7.280.000.000	-	7.280.000.000	-
- Công ty CP DV Thương mại Thành phố (CISTRA)	6.120.000.000	-	6.120.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP BH Điện Máy SG (Seaco)	10.150.000.000	-	10.150.000.000	-
- Công ty CP XNK Nhà Bè	4.500.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty CP Bình Điền	130.500.000.000	-	63.800.000.000	1.192.299.971
- Công ty CP ĐT PT HT PP VN (VDA)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN	42.332.589.001	-	42.332.589.001	-
- Công ty CP KD NS Kiên Giang	16.744.187.700	-	16.744.187.700	-
- Công ty CP SATRA Thái Sơn	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
- Công ty CP TM DV VDA Hậu Giang	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
- Công ty LD CB TP Satra-Sokimex	759.635.084	-	759.635.084	726.635.084
- Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng	45.000.000.000	-	36.000.000.000	-
- Công ty CP TM Sài Gòn Phương Trang	10.500.000.000	137.363.487	10.500.000.000	137.363.487
- Công ty CP DV Dầu khí Sài Gòn	7.930.000.000	-	-	-
- Công ty CP DV SX XNK Bình Tây	10.560.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>949.622.469.234</b>	<b>32.904.121.448</b>	<b>856.932.469.234</b>	<b>34.823.056.503</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**19.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu của đơn vị đầu tư. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP NH Ngọc Lan Đình	300.000.000	-	300.000.000	-
- Công ty VLXD & TT Nội thất(CMID)	21.583.050.000	-	33.250.000.000	-
- Công ty CP TP Nông sản XK Sài Gòn (AGREX)	16.500.000.000	-	16.500.000.000	-
- Công ty CP Kinh Đô	8.035.914.000	-	8.035.914.000	-
- Công ty CP KVG N Ngoại thương	20.170.715.000	-	20.170.715.000	-
- Công ty CP Cung ứng Tàu Biển Sài Gòn	2.240.000.000	-	2.240.000.000	-
- Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn	6.628.160.000	-	6.628.160.000	-
- Công ty CP ĐT DV Dân Sinh	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty CP ĐT Hải Đăng	5.276.520.701	413.281.469	7.242.874.208	413.281.469
- Công ty CP Đầu tư Y tế SG	38.637.160.000	35.288.411.500	38.637.160.000	656.242.922
- Công ty CP BĐS EXim (EXIMLAND)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Công ty CP Anh Dương VN	130.203.000.000	-	130.203.000.000	-
- Công ty CP Cao su TPHCM	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Tổng Công ty Bia rượu nước GK SG	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
- Công ty CP TS SG-Cao Lãnh	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Ngân hàng TMCP SG Công Thương	579.990.000	90.865.100	579.990.000	101.498.250
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	162.131.859.606	134.116.038.606	162.131.859.606	124.487.857.106
- Ngân hàng TMCP Liên Việt	150.810.000.000	36.194.400.000	150.810.000.000	42.729.500.000
- Quỹ Đầu tư VN	4.480.000.000	-	12.800.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Mãi Mãi	5.220.000.000	-	5.220.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>642.796.369.307</b>	<b>206.102.996.675</b>	<b>664.749.672.814</b>	<b>168.388.379.747</b>

102  
C  
CH  
KIẾ  
H  
D

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Chi tiết số dư chi phí trả trước tại các đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	3.527.224.181	1.573.441.938
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	897.149.236	1.028.352.232
- Chi nhánh Thương xá TAX	21.639.884	1.841.242.925
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	451.561.186	5.979.902.938
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	531.620.140	194.182.500
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	1.119.683.322	1.152.476.765
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	929.780.970	2.488.522.277
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	159.991.778	397.892.605
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	-	764.495.698
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	22.069.046.417	-
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	5.266.723.742	3.383.200.993
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	25.452.953.878	4.347.490.449
<b>Cộng</b>	<b>60.427.374.734</b>	<b>23.151.201.320</b>

**21. Tài sản thuế TNDN hoãn lại****3.829.449.467****2.627.339.203**

Khoản thuế TNDN hoãn lại của tiền thuế đất trích trước của SATRA chưa được tính vào chi phí tính Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

3848:  
 NG T  
 H M H  
 I TOA  
 AM VI  
 - 1.5

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**22. Phải trả người bán ngắn hạn**

Khoản phải trả người bán; nhà cung cấp dịch vụ, hàng hóa tại các đơn vị của SATRA.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	112.172.959.546	26.879.463.065
- Ban Quản lý dự án Bình Điền	61.826.490.579	76.399.246.769
- Ban Quản lý và Phát triển HT bán lẻ (SATRAMART)	23.015.875.095	11.588.161.643
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	38.839.068.588	15.469.376.366
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	15.098.786.730	17.444.106.262
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	25.831.322.261	20.771.164.426
- Chi nhánh Thương xá TAX	9.413.165.162	7.469.817.212
- Chi nhánh Tổng kho 252 Trần Văn Kiểu	-	-
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	8.835.185.754	9.294.560.160
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	-	14.801.000
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	23.657.166.380	964.744.000
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	14.867.358.153	7.524.881.458
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	22.544.985.237	25.569.048.549
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	21.032.819.198	63.872.208.357
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	82.405.936.082	37.208.377.299
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	1.373.409.234	134.737.397
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	1.825.940.306	486.274.875
<b>Cộng</b>	<b>462.740.468.305</b>	<b>321.090.968.838</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Khoản người mua trả tiền trước tại các đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	25.162.725.609	9.315.479
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	-	50.000.000
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	5.941.100.478	476.847.100
- Chi nhánh Thương xá TAX	1.319.034.658	3.074.210.000
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	551.243.886	8.410.304
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	41.329.891	1.595.394.666
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	-	2.634.000
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	64.744.223	896.600.000
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	43.166.019	2.817.090
<b>Cộng</b>	<b>33.123.344.764</b>	<b>6.116.228.639</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	903.008.710	24.668.502.027	22.304.882.281	3.266.628.456
- Thuế Giá trị gia tăng Hàng nhập khẩu	(3.000.000)	70.921.093.510	70.918.093.510	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	36.568.948.349	38.191.677.465	(1.622.729.116)
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(85.111.963)	63.929.508.992	66.595.719.030	(2.751.322.001)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	33.692.221.961	493.081.114.497	71.751.702.011	455.021.634.447
- Thuế Thu nhập cá nhân	928.461.350	10.396.608.233	11.177.875.675	147.193.908
- Thuế Bảo vệ môi trường		124.561.540.500	102.609.142.500	21.952.398.000
- Thuế Tài nguyên	27.944.607	464.393.236	440.330.735	52.007.108
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(1.322.513.066)	20.052.170.300	16.155.826.604	2.573.830.630
- Các loại thuế khác phải nộp	1.633.551.453.641	2.858.262.310.993	2.694.608.508.753	1.797.205.255.881
- Phí lệ phí	8.770.904	48.484.430	47.261.951	9.993.383
<b>Cộng</b>	<b>1.667.701.236.144</b>	<b>3.702.954.675.067</b>	<b>3.094.801.020.515</b>	<b>2.275.854.890.696</b>

**Trong đó:**

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.667.855.200.969			2.280.627.242.157
- Thuế nộp thừa (*)	(153.964.825)			(4.772.351.461)

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh số V.11)

1020  
CÔI  
CH NH  
KIỂM  
HÂN T  
3 ĐA



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

---

### **Thuế Giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế đầu ra : Theo phương pháp khấu trừ

### **Thuế Tiêu thụ đặc biệt**

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10%, áp dụng cho mặt hàng xăng.

### **Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

### **Thuế Xuất, Nhập khẩu**

Kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

### **Thuế Bảo vệ môi trường**

Mức thuế Bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, cụ thể như sau:

- Xăng (trừ etanol) và Nhiên liệu bay: 3.000 đồng/lít.
- Dầu diesel: 1.500 đồng/lít.
- Dầu mazut, dầu nhờn: 900 đồng/lít.
- Mỡ nhờn: 900 đồng/kg.

Theo Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/7/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành về biểu thuế Bảo vệ môi trường ngày 10/3/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2015.

### **Tiền thuê đất**

Kê khai và nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế.

### **Các loại thuế khác**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**25. Phải trả người lao động**

Tiền lương và các khoản thu nhập còn phải trả người lao động tại các đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	556.896.051.814	227.642.234.986
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	45.158.287	1.733.209.553
- Chi nhánh Thương xá TAX	17.531.932	232.143.484
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	3.479.477.795	2.692.746.851
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	1.163.568.526	(1.189.922.129)
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	220.524.417	230.456.417
- Chi nhánh Trung tâm TM SATRA Phạm Hùng	68.748.990	1.110.854.000
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	(3.810.010.479)	(2.545.523.796)
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	65.164.749	165.392.748
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	2.980.941.935	3.797.749.960
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	1.058.128.107	1.252.017.885
<b>Cộng</b>	<b>562.185.286.073</b>	<b>235.121.359.959</b>

**26. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Tiền thuê đất và các chi phí còn phải trả tại các đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	8.719.902.697	2.696.954.481
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	1.136.718.496	-
- Chi nhánh Thương xá TAX	-	28.620.000
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	-	80.160.909
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	607.161.504	155.853.828
- Chi nhánh Trung tâm TM SATRA Phạm Hùng	46.009.760	337.354.757
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	565.765.454	67.983.025
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành SATRAFOODS	3.033.448.976	1.865.697.870
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	1.598.265.000	277.353.859
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	63.993.039	159.004.056
<b>Cộng</b>	<b>15.771.264.926</b>	<b>5.668.982.785</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**27. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Chủ yếu là các khoản doanh thu cho thuê mặt bằng, quầy kệ, doanh thu bán căn hộ.. tại các Đơn vị sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	878.702.045	17.397.811.211
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	108.281.378	202.121.206
- Chi nhánh Thương xá TAX	474.090.910	21.363.636
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	34.894.760	80.083.333
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	12.500.000	76.772.728
<b>Cộng</b>	<b>1.508.469.093</b>	<b>17.778.152.114</b>

**28. Phải trả ngắn hạn khác**

- Kinh phí công đoàn	193.487.650	111.066.910
- Bảo hiểm xã hội	989.209.709	8.186.719
- Bảo hiểm y tế	162.474.225	7.427.223
- Bảo hiểm thất nghiệp	71.578.069	601.084
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn <b>[*]</b>	24.983.185.340	11.779.873.416
- Các khoản phải trả, phải nộp khác <b>[**]</b>	47.189.467.971	79.175.297.421
<b>Cộng</b>	<b>73.589.402.964</b>	<b>91.082.452.773</b>

**[\*] Chi tiết ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại các Đơn vị của SATRA**

- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	110.000.000	110.000.000
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	1.501.829.521	1.189.701.280
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	23.125.986.769	10.163.934.886
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	235.369.050	222.237.250
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	-	-
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	10.000.000	94.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.983.185.340</b>	<b>11.779.873.416</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**[\*\*] Chi tiết phải trả, phải nộp khác tại các đơn vị của SATRA:**

- Văn phòng Tổng Công ty	20.811.867.299	25.029.841.909
- Ban Quản lý dự án Bình Điền	192.825.844	190.312.325
- Chi nhánh Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA	6.910.195.760	6.104.787.700
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	94.837.300	92.020.376
- Chi nhánh Thương xá TAX	13.900.300	93.400.000
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	766.992.295	-
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	3.164.411.602	3.167.348.020
- Chi nhánh SATRA Đồng Tháp	-	38.350.000.000
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	7.765.169.957	1.854.451.993
- Chi nhánh Trung tâm Phân phối SATRA	6.250.387.492	3.855.716.950
- Chi nhánh Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	842.946.023	-
- Chi nhánh Trung tâm DV ăn uống Satra	375.934.099	437.418.148
<b>Cộng</b>	<b>47.189.467.971</b>	<b>79.175.297.421</b>

**29. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Tình hình khoản vay trong năm :

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>				
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM [*]	75.591.000.000	1.785.190.273.947	1.788.593.608.947	72.187.665.000
<b>Ban Quản lý Dự án Bình Điền</b>				
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước [**]	45.000.000.000		45.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>120.591.000.000</b>	<b>1.785.190.273.947</b>	<b>1.833.593.608.947</b>	<b>72.187.665.000</b>

01020  
CÔ  
TRÁCH NH  
KIẾN  
NHẬN T  
NG ĐA

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

[\*] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM đang theo dõi tại Văn phòng Tổng Công ty như sau:

- Hợp đồng vay số : 0062/KHDN2/16NH
- Ngày : 01-04-2016
- Mục đích vay : Cho vay theo hạn mức; Chiết khấu theo hạn mức; Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với bên thứ 3. Thực hiện bao thanh toán theo quy định
- Hạn mức tín dụng : 800.000.000.000
- Đồng tiền vay : VND và USD
- Thời hạn cấp Hạn mức cấp tín dụng : kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2017.
- Lãi suất : Áp dụng lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cấp tín dụng bằng hình thức không có bảo đảm bằng tài sản
- Số dư tại 31/12/16 : **72.187.665.000 Đồng tương đương USD 3.171.392,72**

[\*\*] Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ủy thác số 77/2009/HĐTD-QĐT-UT ngày 16 tháng 4 năm 2009. Hạn mức vay là 60.000.000.000 Đồng. Lãi suất cho vay: 0%/tháng, phí ủy thác là 0.07%/tháng. Mục đích vay để thực hiện công tác đền bù giải tỏa Khu thương mại Bình Điền - Giai đoạn 2B. Khoản vay này đã chuyển đổi từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh theo phụ lục hợp đồng số 167/2014/PLHĐTD-ĐTTC-QLCNVUT, ngày 13/11/2014. Tổng Công ty đã thanh toán xong nợ vay trong năm.

**30. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ Khen thưởng	234.027.471.978	172.207.566.060
- Quỹ Phúc lợi	135.162.080.703	84.417.488.117
- Quỹ Phúc lợi đã hình thành tài sản	67.552.224	129.908.112
- Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành QL	2.135.627.617	1.539.191.537
<b>Cộng</b>	<b>371.392.732.522</b>	<b>258.294.153.826</b>

848  
G T  
M H U  
T O Á  
M V I  
T. P

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**31. Quỹ bình ổn giá xăng dầu**

Tình hình tăng giảm quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	7.975.258.188	-
- Trích lập trong năm	16.585.559.700	20.504.964.188
- Lãi tiền gửi trong năm	15.974.930	10.542.398
- Điều chỉnh lãi năm trước (13.602.190); Phí quản lý TK (31.000)	(13.633.190)	-
- Sử dụng quỹ bình ổn trong năm (Kết chuyển giảm giá vốn xăng dầu)	(39.637.933.427)	(12.540.248.398)
- Số cuối năm	<b>(15.074.773.799)</b>	<b>7.975.258.188</b>
<b>32. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>3.000.000</b>	<b>358.475.000</b>

Khoản phải trả nhà cung cấp dài hạn trên 12 tháng đang theo dõi tại Văn phòng Tổng Công ty.

<b>33. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>609.300.415.634</b>	<b>595.662.095.067</b>
---	------------------------	------------------------

Chủ yếu là các khoản doanh thu cho thuê mặt bằng theo dõi tại Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền.

**34. Phải trả dài hạn khác**

34.1 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.492.861.990	8.297.030.918
34.2 Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.777.083.205	66.456.056.365
<b>Cộng</b>	<b>59.269.945.195</b>	<b>74.753.087.283</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**34.1 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn**

Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (chủ yếu là tiền thuê quầy, kệ, mặt bằng) tại các đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	1.082.357.158	1.093.357.158
- Chi nhánh Siêu thị Sài Gòn	732.080.000	360.412.500
- Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ SATRA	5.663.785.904	5.069.377.760
- Chi nhánh Trung tâm Thương mại SATRA Phạm Hùng	1.804.437.565	1.555.883.500
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	790.651.363	-
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	419.550.000	218.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.492.861.990</b>	<b>8.297.030.918</b>

**34.2 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác**

Các phải trả dài hạn khác tại các đơn vị sau:

- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	29.606.771.641	49.941.178.058
- Chi nhánh Kho lạnh SATRA	19.170.311.564	16.514.878.307
<b>Cộng</b>	<b>48.777.083.205</b>	<b>66.456.056.365</b>

**35. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Tình hình khoản vay trong năm như sau

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
<b>Ban QLDA Bình Điền</b>				
35.1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	95.747.601.896	2.003.948.487	15.811.463.933	81.940.086.450
<b>Ban QLDA COFIDEC</b>				
35.2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	64.576.248.892	21.664.427.737	-	86.240.676.629
<b>Cộng</b>	<b>160.323.850.788</b>	<b>23.668.376.224</b>	<b>15.811.463.933</b>	<b>168.180.763.079</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 35.1 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM đang theo dõi tại Ban Quản lý Dự án Bình Điền như sau:

#### ❖ *Hợp đồng tín dụng số 0036/TD1/07CD ngày 13 tháng 11 năm 2007*

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - Giai đoạn 2A tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 62.044.000.000
- Thời hạn cho vay : 132 tháng
- Lãi suất : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ của ngân hàng cộng (+) 0,2%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 12 tháng/lần kể từ ngày rút vốn.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án.
- Số dư tại 31/12/16 : 3.700.000.000 Đồng

#### ❖ *Hợp đồng tín dụng số 0023/DTDA/10CD ngày 12 tháng 8 năm 2010*

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của hệ thống trung chuyển rác và xử lý nước thải thuộc dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 16.800.000.000 Đồng
- Thời hạn cho vay : 96 tháng
- Lãi suất : Theo lãi suất cho vay dài hạn của ngân hàng công bố. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án hệ thống trung chuyển rác và xử lý nước thải.
- Số dư tại 31/12/16 : 5.222.486.450 Đồng

102  
C/C  
CH N  
KIẾT  
AN  
Đ



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD ngày 21 tháng 3 năm 2011; Phụ kiện hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD/PK02 ngày 09/4/2015 và Phụ kiện hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD/PK03 ngày 05/02/2016**

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - Giai đoạn 2A tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 102.371.000.000 Đồng
- Thời hạn cho vay : 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất : Từ ngày 09/10/2015 đến ngày 04/02/2016 bằng lãi suất cho vay đối với lĩnh vực Bất động sản.  
Từ ngày 05/02/2016 đến hết thời hạn vay của hợp đồng tín dụng được xác định bằng lãi tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ cộng 3,3%/năm.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
- Số dư tại 31/12/16 : 73.017.600.000 Đồng

[\*] **Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM đang theo dõi tại Ban Quản lý Dự án Cofidec như sau:**

- Hợp đồng vay số : 0015/ĐTDA/15CD
- Ngày : 29-07-15
- Mục đích vay : Sử dụng tiền vay để thanh toán một phần các chi phí của dự án "Nhà máy chế biến nông thủy sản xuất khẩu"
- Hạn mức tín dụng : 124.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất : Xác định tại thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng hoặc ghi trên Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0034/NHNT-TC, ngày: 30/07/2015 và Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị và công trình phụ trợ Số 0035/NHNT-TC, ngày 30/07/2015:

Công trình dự kiến có diện tích xây dựng 18.025 m<sup>2</sup> thuộc sở hữu của Bên thế chấp "Tài sản" sẽ được xây dựng và tạo lập trên thửa đất số 46, tờ bản đồ số 50, diện tích 25.254,9 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 15/4/2048 và có địa chỉ tại Lô số C44/I, C44b/I, C56/II và C57/II đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh "Khu đất".

Máy móc thiết bị và công trình phụ trợ theo danh mục máy móc thiết bị và công trình thuộc sở hữu của Bên thế chấp; Máy móc thiết bị được mô tả chi tiết tại Phụ lục

- Số dư tại 31/12/16 : 86.240.676.629 Đồng

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**36. Dự phòng phải trả dài hạn**

Các khoản dự phòng tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phi nông nghiệp còn phải nộp đang theo dõi tại các đơn vị:

- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	7.284.377.200	5.730.584.800
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	3.467.617.289	3.467.617.289
<b>Cộng</b>	<b>10.751.994.489</b>	<b>9.198.202.089</b>

**37. Quỹ phát triển khoa học công nghệ** 10.729.008.568 10.729.008.568

Quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2011.

**38. Vốn chủ sở hữu**

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
38.1	Vốn đầu tư của CSH	7.306.707.073.989	96.454.000.000		7.403.161.073.989
38.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	-	388.735.945.094		388.735.945.094
38.4	Quỹ đầu tư phát triển	1.338.112.780.521	1.301.539.516.710		2.639.652.297.231
38.5	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	99.090.766.589	106.507.231	96.455.766.148	2.741.507.672
38.6	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(641.106.675)	4.336.942.384.830	4.339.944.107.560	(3.642.829.405)
38.7	Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.814.821.000	2.954.435.000	61.305.000	4.707.951.000
	<b>Cộng</b>	<b>8.745.084.335.424</b>	<b>6.126.732.788.865</b>	<b>4.436.461.178.708</b>	<b>10.435.355.945.581</b>

**38.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp	8.660.000.000.000
- Vốn của chủ sở hữu hiện có	7.403.161.073.989



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**Tình hình tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	7.306.707.073.989	6.107.152.476.070
- Bổ sung từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	96.454.000.000	-
- Bổ sung từ nguồn vốn khác	-	2.140.722.604
- Bổ sung từ khoản chênh lệch đánh giá lại TS	-	929.713.437
- Bổ sung vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển	-	1.141.399.946.806
- Bổ sung vốn từ Nguồn vốn Đầu tư XDCB	-	55.121.693.928
- Giảm khác (Liên quan đến việc giao nhà 308 Nor Trang Long cho Quỹ đất TP.HCM)	-	(37.478.856)
- Số cuối năm	<u>7.403.161.073.989</u>	<u>7.306.707.073.989</u>

**38.2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản****388.735.945.094**

Là khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản của các Công ty con để thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước.

**38.3 Quỹ Đầu tư Phát triển**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.338.112.780.521	1.741.277.774.528
- Bổ sung từ lợi nhuận	1.301.539.516.710	738.234.952.799
- Chuyển tăng vốn điều lệ	-	(1.141.399.946.806)
- Số cuối năm	<u>2.639.652.297.231</u>	<u>1.338.112.780.521</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**38.5 Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp**

Là Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn quản lý. Tình hình tăng giảm Quỹ trong năm như sau:

- Số đầu năm	99.090.766.589	94.666.894.335
- Thu trong năm (lãi tiền gửi)	106.507.231	4.424.251.754
- Chi trong năm (phí quản lý TK)	(1.766.148)	(379.500)
- Chuyển tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty	(96.454.000.000)	-
- Số cuối năm	<b>2.741.507.672</b>	<b>99.090.766.589</b>

**38.6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)**

- Lợi nhuận chưa PP năm trước	<b>(641.106.675)</b>	<b>(641.106.675)</b>
- Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	2.263.777.545	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(5.265.500.275)	-
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(486.801.261)	-
+ Lợi nhuận nộp ngân sách	(1.135.869.609)	-
+ Chi khác, nộp khác	(3.642.829.405)	-
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	<b>(3.642.829.405)</b>	<b>(641.106.675)</b>
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	<b>4.336.942.384.830</b>	<b>2.460.843.175.996</b>
- Điều chỉnh lợi nhuận năm nay	-	<b>(60.000.000)</b>
+ Chi khác, nộp khác	-	<b>(60.000.000)</b>
- Phân phối lợi nhuận năm nay	<b>(4.336.942.384.830)</b>	<b>(2.460.783.175.996)</b>
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(1.301.082.715.449)	(738.204.952.799)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(182.807.997.422)	(88.971.747.992)
+ Lợi nhuận nộp ngân sách	(2.853.051.671.959)	(1.633.606.475.205)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	<b>(3.642.829.405)</b>	<b>(641.106.675)</b>

02038  
CÔNG  
KH  
NHIỆM  
KIỂM T  
ÂN TÂN  
ĐA -

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**38.7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng trong năm do nhận vốn từ ngân sách để thực hiện Dự án Trung tâm thương mại Bình Điền.

- Số đầu năm	1.814.821.000	55.121.693.928
- Thu trong năm	2.954.435.000	1.814.821.000
- Chi hoàn trả KBNN	61.305.000	-
- Chuyển tăng vốn điều lệ	-	(55.121.693.928)
- Số cuối năm	<b>4.707.951.000</b>	<b>1.814.821.000</b>

**39. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**❖ **Ngại tệ các loại**

Các loại ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.039.806,30	3.667.145,61
- AUD	31.971,58	1.030,41

❖ **Nợ khó đòi đã xử lý**

- Công ty CP SXTMDV Satra Cati	6.916.149.932	6.916.149.932
--------------------------------	---------------	---------------

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>40. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	5.711.008.172.661	5.490.157.960.604
- Doanh thu bán các thành phẩm	276.234.903.946	305.912.660.327
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	326.584.400.517	233.005.114.964
- Doanh thu kinh doanh BĐS	40.520.766.079	31.503.852.263
- Doanh thu khác	19.870.606.098	11.165.093.585
<b>Cộng</b>	<b>6.374.218.849.301</b>	<b>6.071.744.681.743</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**41. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại	520.560.343	195.387.183
- Giảm giá hàng bán	984.752	61.427.000
- Hàng bán bị trả lại	17.203.664.682	3.867.255.585
<b>Cộng</b>	<b>17.725.209.777</b>	<b>4.124.069.768</b>

**42. Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.473.342.981.868	5.304.963.536.791
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	265.501.779.808	277.208.235.980
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	163.190.920.481	129.221.367.920
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	6.514.518.445	5.511.653.285
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(87.419.096)	58.899.623
- Giá vốn khác	1.653.110.200	20.840.542.164
<b>Cộng</b>	<b>5.910.115.891.706</b>	<b>5.737.804.235.763</b>

**43. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	452.929.905.947	317.216.408.732
- Lãi bán các khoản đầu tư, chứng khoán	2.259.112.460.420	119.898.378.800
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.747.618.577.760	2.342.684.326.287
- Lãi bán ngoại tệ	-	22.529.336
- Lãi chênh lệch tỷ giá	4.390.898.069	10.166.233.029
- Chiết khấu thanh toán	2.460.738.450	843.680.848
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.316.532.212	9.638.557.696
<b>Cộng</b>	<b>5.473.829.112.858</b>	<b>2.800.470.114.728</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**44. Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay	9.236.759.466	5.457.728.217
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.625.736.630	12.057.624.595
- Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư	15.541.715.081	(5.157.815.956)
- Chi phí tài chính khác	4.753.608.963	1.511.188.142
<b>Cộng</b>	<b>33.157.820.140</b>	<b>13.868.724.998</b>

**45. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên bán hàng	106.452.635.090	42.601.495.028
- Chi phí vật liệu, bao bì	4.387.338.412	10.230.700.269
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.276.883.167	31.757.141.071
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.003.029.790	23.596.325.904
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.354.187.350	83.070.844.475
- Chi phí bằng tiền khác	37.355.805.715	39.349.009.173
<b>Cộng</b>	<b>317.829.879.524</b>	<b>230.605.515.920</b>

**46. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nhân viên quản lý	612.866.344.721	269.165.288.604
- Chi phí vật liệu quản lý	701.724.675	187.971.317
- Chi phí đồ dùng văn phòng	5.711.753.004	4.183.219.265
- Chi phí khấu hao TSCĐ	20.268.075.326	20.622.426.115
- Thuế, phí và lệ phí	28.329.720.159	10.788.716.135
- Chi phí dự phòng	10.967.179.023	24.244.807.506
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.609.118.570	28.800.010.417
- Chi phí bằng tiền khác	80.263.768.819	74.309.859.256
<b>Cộng</b>	<b>792.717.684.297</b>	<b>432.302.298.615</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**47. Thu nhập khác**

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	1.000.000	1.529.690.908
- Thu bồi hoàn, hỗ trợ ....	21.176.557.984	47.291.123.000
- Tiền phạt thu được	820.000	1.277.455.456
- Thu hoàn nhập các khoản dự phòng	278.649.610	16.892.090
- Thu nhập khác	41.231.613.996	57.363.373.184
<b>Cộng</b>	<b>62.688.641.590</b>	<b>107.478.534.638</b>

**48. Chi phí khác**

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	4.844.530.224
- Chi phí tài sản thiệt hại, di dời	-	12.992.663.223
- Các khoản tiền phạt	-	-
- Chi phí khác	10.368.729.242	4.958.035.388
<b>Cộng</b>	<b>10.368.729.242</b>	<b>22.795.228.835</b>

**49. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.828.821.389.063</b>	<b>2.538.193.257.210</b>
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	384.202.761.184	147.352.718.214
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(2.747.618.577.760)	(2.342.954.383.575)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.465.405.572.487</b>	<b>342.591.591.849</b>
Trong đó	-	-
+ <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>2.465.405.572.487</i>	<i>342.591.591.849</i>
+ <i>Thu nhập từ hoạt động Bất động sản</i>	-	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	493.081.114.497	75.370.150.207
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ chưa sử dụng	-	3.089.954.468
- <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>493.081.114.497</b>	<b>78.460.104.675</b>

203848  
TỔNG T  
NHIỆM HỮ  
M TOÁN  
TÂM VIÊN  
I - T.P.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

<b>50. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(1.202.110.264)</b>	<b>(1.110.023.461)</b>
---------------------------------------	------------------------	------------------------

Khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại từ các khoản chi chênh lệch tạm thời chưa tính thuế.

Trong năm 2016, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch chưa chịu thuế hiện hành.

**51. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.556.365.977.815	5.494.022.432.063
- Chi phí nhân công	805.666.289.954	403.584.304.099
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.659.703.281	74.096.417.187
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.152.415.798	168.297.049.498
- Chi phí khác bằng tiền	370.345.618.061	297.375.801.284
<b>Cộng</b>	<b>7.064.190.004.909</b>	<b>6.437.376.004.131</b>

**VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền nắm giữ nhưng không được sử dụng

- \* Trong năm 2016, SATRA đã tăng vốn chủ sở hữu **96.454.000.000** Đồng từ các nguồn Quỹ hiện có tại doanh nghiệp (thuyết minh số V.38.1)
- \* Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho SATRA. Số dư của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2016 là: **2.741.507.672** Đồng (thuyết minh số V.38.5).

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin so sánh**

Căn cứ Báo cáo kiểm toán Nhà Nước 2015, SATRA đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu năm trước trên Báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>8.844.897.722.319</b>	<b>8.857.762.270.643</b>	<b>12.864.548.324</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>611.864.169.287</b>	<b>614.324.006.769</b>	<b>2.459.837.482</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	311.839.321.088	387.101.983.390	75.262.662.302
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	251.750.349.940	284.342.242.205	32.591.892.265
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	147.435.995.143	156.714.375.030	9.278.379.887
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(99.161.496.884)	(215.025.723.890)	(115.864.227.006)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	1.191.130.034	1.191.130.034
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>300.174.646.282</b>	<b>310.578.905.924</b>	<b>10.404.259.642</b>
1 Hàng tồn kho	141	300.174.646.282	310.578.905.924	10.404.259.642
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>93.408.803.395</b>	<b>93.409.254.595</b>	<b>451.200</b>
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	89.553.285.186	89.553.736.386	451.200
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3.462.292.637.411</b>	<b>3.469.920.541.667</b>	<b>7.627.904.256</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>635.066.275.348</b>	<b>657.232.670.897</b>	<b>22.166.395.549</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	552.042.927.451	575.552.924.797	23.509.997.346
- Nguyên giá	222	879.657.409.201	897.602.215.809	17.944.806.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(327.614.481.750)	(322.049.291.012)	5.565.190.738
2 Tài sản cố định vô hình	227	83.023.347.897	81.679.746.100	(1.343.601.797)
- Nguyên giá	228	97.151.207.483	95.740.823.803	(1.410.383.680)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(14.127.859.586)	(14.061.077.703)	66.781.883
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>409.852.349.502</b>	<b>400.358.778.014</b>	<b>(9.493.571.488)</b>
- Nguyên giá	231	554.014.702.367	544.441.352.968	(9.573.349.399)
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(144.162.352.865)	(144.082.574.954)	79.777.911

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>1.915.404.319.769</b>	<b>1.916.105.268.070</b>	<b>700.948.301</b>
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(243.567.518.562)	(242.866.570.261)	700.948.301
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>31.524.408.629</b>	<b>25.778.540.523</b>	<b>(5.745.868.106)</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	23.749.305.847	23.151.201.320	(598.104.527)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>12.307.190.359.730</b>	<b>12.327.682.812.310</b>	<b>20.492.452.580</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>3.581.102.670.439</b>	<b>3.582.598.476.886</b>	<b>1.495.806.447</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2.706.797.041.933</b>	<b>2.731.573.758.091</b>	<b>24.776.716.158</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	321.090.108.166	321.090.968.838	860.672
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.617.246.709.154	1.667.855.200.969	50.608.491.815
4 Phải trả người lao động	314	242.674.869.776	235.121.359.959	(7.553.509.817)
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.403.404.576	5.668.982.785	(734.421.791)
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	108.627.157.494	91.082.452.773	(17.544.704.721)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>874.305.628.506</b>	<b>851.024.718.795</b>	<b>(23.280.909.711)</b>
5 Dự phòng phải trả dài hạn	342	32.479.111.800	9.198.202.089	(23.280.909.711)
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>8.726.087.689.291</b>	<b>8.745.084.335.424</b>	<b>18.996.646.133</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>8.726.087.689.291</b>	<b>8.745.084.335.424</b>	<b>18.996.646.133</b>
3 Quỹ đầu tư phát triển	418	1.319.116.134.388	1.338.112.780.521	18.996.646.133
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>12.307.190.359.730</b>	<b>12.327.682.812.310</b>	<b>20.492.452.580</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH**

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.071.819.894.272	6.071.744.681.743	(75.212.529)
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.067.695.824.504	6.067.620.611.975	(75.212.529)
4 Giá vốn hàng bán	11	5.748.812.172.379	5.737.804.235.763	(11.007.936.616)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (giảm) sau điều chỉnh
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	318.883.652.125	329.816.376.212	10.932.724.087
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.801.074.839.343	2.800.470.114.728	(604.724.615)
7	Chi phí tài chính	22	14.569.673.299	13.868.724.998	(700.948.301)
8	Chi phí bán hàng	25	250.826.471.593	230.605.515.920	(20.220.955.673)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	443.532.684.267	432.302.298.615	(11.230.385.652)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.411.029.662.309	2.453.509.951.407	42.480.289.098
11	Thu nhập khác	31	89.328.812.948	107.478.534.638	18.149.721.690
12	Chi phí khác	32	46.105.623.027	22.795.228.835	(23.310.394.192)
13	Lợi nhuận khác	40	43.223.189.921	84.683.305.803	41.460.115.882
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.454.252.852.230	2.538.193.257.210	83.940.404.980
15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	62.989.617.052	78.460.104.675	15.470.487.623
16	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(6.257.787.040)	(1.110.023.461)	5.147.763.579
17	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	2.397.521.022.218	2.460.843.175.996	63.322.153.778

**2. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016**

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2016 sau đây:

- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế
- Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng.
- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

20382  
CÔNG  
NHIỆM  
HỆM T  
AN TÂM  
ĐA -

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
- Thông tư số 48/2016/TT-BTC ngày 17/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.
- Thông tư Liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2016 (sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014) của Bộ Công thương và Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH cùng ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc và Viên chức quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2016; các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đông Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang

